

BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH VÀ CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG Ở TỈNH THANH HÓA

Đào Thanh Xuân

Khoa Khoa học xã hội, Đại học Hồng Đức

Tóm tắt: Tập đoàn cây trồng trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa khá đa dạng và phong phú bao gồm cả cây nhiệt đới, cây cận nhiệt, cây lâu năm, cây hằng năm. Trong giai đoạn 2001 – 2011, diện tích cây trồng tỉnh Thanh Hóa đã có sự chuyển đổi hợp lý hơn về quy mô và cơ cấu mùa vụ, phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương và gắn liền với thị trường tiêu thụ. Hơn 10 năm qua, diện tích nhóm cây hằng năm chiếm vị trí tuyệt đối, trong đó cây lương thực giữ vai trò chủ đạo mặc dù tỷ trọng có xu hướng giảm mạnh; diện tích nhóm cây thực phẩm, cây công nghiệp hằng năm có mức tăng trưởng vững chắc; riêng cây lâu năm có quy mô nhỏ và không ổn định. Sự biến động diện tích và cơ cấu các nhóm, loại cây trồng ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian qua đã bước đầu thể hiện sự phát triển của nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Từ khóa: Biến động diện tích, cơ cấu cây trồng, cơ cấu diện tích, Thanh Hóa

1. Mở đầu

Sự biến động diện tích là một trong những biểu hiện quan trọng của quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Trong 10 năm qua (2001 – 2011) diện tích các nhóm cây trồng trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa đã có sự biến động đáng kể theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với nhu cầu thị trường và sự phát triển của công nghiệp chế biến. Việc phân tích biến động và xu thế chuyển đổi diện tích và cơ cấu diện tích cây trồng là một trong những cơ sở quan trọng nhằm đề xuất và xác định quy mô các nhóm cây phù hợp với điều kiện sinh thái của lãnh thổ, góp phần mang lại sự phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Biến động diện tích và cơ cấu diện tích theo nhóm cây trồng.

Tập đoàn cây trồng trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa khá đa dạng và phong phú với đầy đủ các loại cây trồng nhiệt đới, cận nhiệt đới, cây lâu năm, cây hằng năm.

Giai đoạn 2001 – 2011, tổng diện tích gieo trồng trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa đã tăng lên, sau hơn 10 năm diện tích gieo trồng tăng thêm 18.800 ha với tốc độ tăng bình quân 0,4%/năm, trong đó chủ yếu là tăng trong thời kỳ từ 2001 đến 2005, từ 2005 đến 2011 diện tích gieo trồng giảm dần; năm 2011 quy mô gieo trồng đã giảm 4.900 ha so với năm 2005, bình quân giảm 0,17%/năm. Sự biến động diện tích thể hiện ở cả hai nhóm cây hằng năm và cây lâu năm; diện tích gieo trồng cây hằng năm tăng lên trong khi diện tích cây lâu năm có xu hướng giảm.

Bảng 1. Diện tích và cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây trồng ở tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

Chỉ tiêu	2001		2005		2011		Tăng (+), giảm (-) 2001 – 2011 (Ngh.ha)
	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	
Tổng diện tích	458,1	100	481,8	100	476,9	100	+ 18,8
Cây hằng năm	422,2	92,2	447,4	92,9	445,8	93,5	+ 23,6

Cây lâu năm	35,9	7,8	34,4	7,1	31,1	6,5	- 4,8
-------------	------	-----	------	-----	------	-----	-------

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

Tính đến năm 2011, diện tích cây hằng năm ở tỉnh Thanh Hóa là 445,8 nghìn ha, tăng 23,6 nghìn ha so với năm 2001, trung bình mỗi năm tăng hơn 2.100 ha. Trong khi đó, diện tích cây lâu năm giảm 4.800 ha, đạt 31,1 nghìn ha năm 2011, quy mô nhóm cây này chỉ bằng 1/14 lần diện tích cây hằng năm. Do sự tăng giảm khác nhau về quy mô dẫn đến sự thay đổi về cơ cấu diện tích, tỷ trọng diện tích cây hằng năm tăng lên và giữ vị trí chủ đạo với tỷ lệ chiếm 93,5% tổng diện tích gieo trồng năm 2011, tăng 0,4% so với năm 2001; tương ứng tỷ trọng diện tích cây lâu năm không đáng kể và giảm dần.

Sự chênh lệch về quy mô và mức độ chuyển đổi diện tích gieo trồng giữa cây hằng năm và cây lâu năm trong thời gian qua ở Thanh Hóa bị chi phối bởi những đặc thù về điều kiện tự nhiên và đặc điểm sản xuất của cây trồng. Mặc dù ¾ địa hình Thanh Hóa là đồi núi, thích hợp để trồng cây lâu năm nhưng một số yếu tố khí hậu lại hạn chế khả năng phát triển của nhóm cây này, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan như: rét đậm, sương muối, bão, gió phơn,... Mặt khác, việc đầu tư trồng cây lâu năm ở Thanh Hóa gặp khó khăn do thiếu vốn đầu tư, thiếu kinh nghiệm chăm sóc trước những yêu cầu khắt khe về kỹ thuật sản xuất, và việc giải quyết đầu ra cho sản phẩm. Ngược lại, tập đoàn cây hằng năm ở Thanh Hóa rất đa dạng bao gồm các cây chủ lực như: lúa, ngô, mía, lạc, đậu tương, cói, sắn,... Các loại cây này có khả năng thích nghi sinh thái rộng, dễ thâm canh, hệ số vụ cao, sản phẩm tiêu thụ trực tiếp hoặc phục vụ xuất khẩu; đặc biệt một số cây hằng năm ở Thanh Hóa có sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp chế biến như: công nghiệp sản xuất đường, công nghiệp chế biến tinh bột sắn, công nghiệp chế biến thực phẩm,... Nhờ những ưu thế đó mà diện tích nhóm cây hằng năm ổn định và dễ dàng trong công tác chuyển đổi.

2.2. Biến động diện tích và cơ cấu diện tích theo từng nhóm cây trồng

2.2.1. Nhóm cây hằng năm

Nhóm cây hằng năm chủ lực ở Thanh Hóa là cây lương thực, tiếp sau là cây công nghiệp hằng năm, cây thực phẩm và các cây trồng khác. Cơ cấu này tương đồng cơ cấu cây hằng năm của cả nước hiện nay.

Trong giai đoạn 2001 – 2011, diện tích gieo trồng các loại cây hằng năm có xu hướng tăng nhanh, tổng diện tích mở rộng cây hằng năm trong giai đoạn này là 23,6 nghìn ha. Diện tích cây thực phẩm có tốc độ tăng nhanh nhất, bình quân 3,64%/năm với quy mô mở rộng 11.300 ha, diện tích cây công nghiệp hằng năm có mức tăng khá 1,2%/năm, diện tích tăng thêm 7.200 ha; việc mở rộng diện tích cây lương thực ở Thanh Hóa không đáng kể với hơn 200 ha tăng thêm.

Bảng 2: Diện tích và cơ cấu diện tích nhóm cây hằng năm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

Chỉ tiêu	2001		2005		2011		Tăng (+), giảm (-) 2001 - 2011	
	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích	422,2	100	447,4	100	445,8	100	+ 23,6	0
Cây lương thực	337,8	80,0	348,8	77,96	338,0	75,82	+ 0,2	-4,19
Cây thực phẩm	26,30	6,20	31,00	6,93	37,60	8,43	+11,3	+2,21
Cây công nghiệp hằng năm	56,7	13,40	63,8	14,26	63,9	14,33	+ 7,2	+0,90
Cây khác	1,4	0,30	3,8	0,85	6,3	1,41	+ 4,9	+1,08

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

Trong cả thời kỳ 2001 - 2011, quy mô diện tích cây lương thực tăng giảm không ổn định, cây thực phẩm, cây công nghiệp hằng năm và cây khác tăng khá bền vững. Diện tích trồng cây

lượng thực tăng mạnh từ 2001 đến 2005 với mức gia tăng 1,03 lần, trung bình tăng 2.200 ha/năm. song từ năm 2005 đến 2011, diện tích nhóm cây này lại giảm mạnh với quy mô gần tương ứng. Thay vào đó, diện tích nhóm cây thực phẩm tăng 1,42 lần, cây công nghiệp hằng năm tăng 1,13 lần.

Xét về cơ cấu, trong giai đoạn 2001 – 2011, tỷ trọng diện tích cây lương thực liên tục giảm, từ chỗ chiếm tới 80% diện tích cây hằng năm năm 2001, đến 2011 nhóm cây này chỉ còn 75,8%, giảm 4,19%, ngược lại tỷ trọng diện tích cây thực phẩm đã tăng từ 6,2% lên 8,43%, cây công nghiệp hằng năm tăng từ 13,4% lên 14,33%. Xu hướng chuyển đổi này phù hợp với xu hướng chung đang diễn ra trên phạm vi cả nước hiện nay; thể hiện kết quả bước đầu của nền nông nghiệp hàng hóa đang được đẩy mạnh ở tỉnh Thanh Hóa.

2.2.1.1. Nhóm cây lương thực

Nhóm cây lương thực của tỉnh Thanh Hóa bao gồm cây lương thực có hạt (lúa, ngô) và hoa màu (khoai lang, sắn), trong đó, lúa là cây trồng chủ lực, sau đó đến cây ngô. Trong giai đoạn 2001 – 2011, diện tích gieo trồng các loại cây lương thực ở Thanh Hóa có sự biến động lớn.

- Giai đoạn 2001 - 2005, tổng diện tích trồng cây lương thực ở Thanh Hóa tăng gần 11.000 ha, trong đó chủ yếu là nhờ mở rộng diện tích ngô và sắn. Sau 5 năm, diện tích ngô mở rộng 21.000 ha, diện tích sắn tăng thêm 3.100 ha, diện tích lúa giảm 5.400 ha, diện tích khoai lang giảm 7.700 ha. Từ năm 2005 đến năm 2011, diện tích các cây lương thực Thanh Hóa có sự chuyển đổi, diện tích lúa tăng trở lại và mở rộng gần bằng giai đoạn trước đó (thêm 5000 ha), diện tích ngô giảm mạnh 12.400 ha, diện tích sắn tiếp tục tăng thêm 1.500 ha, diện tích khoai lang giảm thêm 4.900 ha. Tính trong cả thời kỳ 2001 - 2011, diện tích sắn có mức tăng ổn định nhất, riêng diện tích lúa và ngô không ổn định và tăng giảm thất thường.

Bảng 3. Diện tích và cơ cấu diện tích cây lương thực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

Chỉ tiêu	2001		2005		2011		Tăng (+), giảm (-) 2001 – 2011 (Ngh.ha)
	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	
1. Lúa	257,6	76,3	252,2	72,3	257,2	76,1	- 0,4
2. Ngô	44,3	13,1	65,3	18,7	52,9	15,7	+ 8,6
3. Sắn	11,9	3,5	15,0	4,3	16,5	4,9	+ 4,6
4. Khoai lang	24,0	7,1	16,3	4,7	11,4	3,4	- 12,6
Tổng diện tích	337,8	100,0	348,8	100,0	338,0	100,0	+ 0,2

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

- Có thể thấy, mặc dù diện tích giảm nhưng lúa vẫn là cây trồng chiếm tỷ trọng cao nhất trong các nhóm cây lương thực ở tỉnh Thanh Hóa. Nguyên nhân là do điều kiện canh tác lúa ở Thanh Hóa thuận lợi nhờ lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn lao động nông nghiệp đông và có truyền thống thâm canh, đồng thời Thanh Hóa là một tỉnh đông dân, nhu cầu lương thực lớn là yếu tố khiến diện tích lúa chiếm tỷ trọng cao. Trong giai đoạn 2001 – 2005, diện tích lúa ở Thanh Hóa giảm mạnh, xu hướng này diễn ra là do việc thực hiện chính sách cho phép chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi thủy sản và các loại cây con khác có giá trị kinh tế cao hơn, đồng thời dưới tác động của công nghiệp hóa - đô thị hóa, diện tích trồng lúa chuyển đổi sang đất chuyên dùng và thổ cư với quy mô lớn. Trong giai đoạn này, riêng thành phố Thanh Hóa, huyện Quảng Xương, Hoàng Hóa đã giảm tới gần 3000 ha đất trồng lúa, đặc biệt huyện Tĩnh Gia giảm tới gần 1400 ha chủ yếu do việc xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn. Từ năm 2005 đến nay, Thanh Hóa thực hiện chính sách ổn định diện tích lúa, xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất cao, thực hiện các

chính sách hỗ trợ cho nông dân trồng lúa, đồng thời tăng cường thâm canh, đưa giống lúa mới vào sản xuất, nhờ đó mà diện tích trồng lúa có xu hướng tăng trở lại.

Về cơ cấu mùa vụ, Thanh Hóa có 2 vụ lúa là vụ chiêm xuân và vụ mùa, trong đó diện tích lúa chiêm xuân có xu hướng tăng lên, diện tích lúa mùa lại giảm mạnh. Trong giai đoạn 2001 – 2011, diện tích lúa chiêm xuân tăng thêm 2.170 ha, diện tích lúa mùa giảm 2.584 ha, nguyên nhân là do vụ chiêm xuân mang lại năng suất cao và ổn định, lúa mùa có năng suất thấp do thường gặp bão, mưa lớn và dịch bệnh khi trở và chín.

- Cây ngô ở vị trí thứ 2 sau cây lúa chiếm gần 16% diện tích cây lương thực tỉnh Thanh Hóa năm 2011. Ngô là lương thực bổ sung sự thiếu hụt lúa gạo cho người dân miền núi cao Thanh Hóa; đây còn là nguồn nguyên liệu quan trọng để phát triển chăn nuôi, phục vụ công nghiệp chế biến thực phẩm. Cùng với lúa, ngô cũng là cây trồng truyền thống đa dạng về mùa vụ và hệ thống canh tác, có thể thích hợp với nhiều vùng sinh thái khác nhau. Trong giai đoạn 2001 – 2005, diện tích ngô Thanh Hóa tăng nhanh chưa từng thấy đã đưa Thanh Hóa đứng vị trí thứ 3 cả nước sau tỉnh ĐắcLắc và Sơn La năm 2005, ngô được xem là cây trồng chuyển đổi hiệu quả nhất trong thời kỳ này. Nguyên nhân chủ yếu là do việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, việc du nhập giống ngô lai cho năng suất cao từ Trung Quốc, đồng thời thị trường tiêu thụ ổn định, giá cao và nhu cầu ngô nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến tăng lên. Ở giai đoạn này, địa bàn trồng ngô được mở rộng ở tất cả các huyện trong cả tỉnh, trong đó có nhiều huyện đạt mức mở rộng trên 1500 ha như Quảng Xương, Nông Cống, Hoàng Hóa, Tĩnh Gia, Thạch Thành, Mường Lát, Ngọc Lặc. Từ năm 2005 đến 2011, diện tích gieo trồng ngô ở Thanh Hóa bị giảm mạnh, do việc mở rộng vùng nguyên liệu sắn đã làm chuyển đổi một phần diện tích ngô sang trồng sắn nguyên liệu ở khu vực trung du miền núi. Ngoài ra, diện tích ngô giảm do thị trường tiêu thụ ngô nguyên liệu bấp bênh, chất lượng ngô thấp do khâu thu hoạch chế biến và bảo quản ở Thanh Hóa chưa đảm bảo dẫn đến không có khả năng cạnh tranh với ngô nhập khẩu.

- Sắn là màu lương thực có diện tích tăng ổn định nhất trong giai đoạn 2001 – 2011 ở Thanh Hóa. Nguyên nhân là do sự phát triển của công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, công nghiệp chế biến thực phẩm, đặc biệt là chế biến tinh bột sắn đã đưa cây sắn trở thành cây hàng hóa có giá trị cao. Từ năm 2000, Thanh Hóa đã xây dựng 2 nhà máy chế biến tinh bột sắn ở Bá Thước và Như Xuân, mỗi nhà máy có công suất 60 tấn sản phẩm/ngày, nhu cầu nguyên liệu mỗi nhà máy cần khoảng 70.000 tấn sắn củ tươi chế biến công nghiệp mỗi năm. Nhờ đó, diện tích trồng sắn đã tăng nhanh thay thế diện tích đất trồng của nhiều cây khác.

- Diện tích khoai lang giảm mạnh và liên tục do giá trị kinh tế của khoai lang thấp hơn so với cây trồng khác, hơn nữa việc đảm bảo nguồn lương thực từ lúa, ngô đã giúp nông dân yên tâm chuyển diện tích trồng khoai lang sang trồng các loại cây con khác có giá trị kinh tế cao hơn. Việc trồng khoai lang được chuyển hướng sang các giống khoai đặc sản, có chất lượng cao cung cấp cho thị trường đô thị.

2.2.1.2. Nhóm cây công nghiệp hằng năm (CNHN)

Nhóm cây công nghiệp hằng năm ở Thanh Hóa có vị trí đứng thứ hai với tỷ trọng chiếm hơn 14% diện tích cây ngắn ngày năm 2011. Cây CNHN ở Thanh Hóa rất đa dạng bao gồm lạc, mía, đậu tương, cói, vừng... Nhóm cây này có thể mạnh nhờ khả năng thích nghi rộng, khả năng thâm canh cao, thị trường tiêu thụ lớn vì đây là nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và phục vụ xuất khẩu. Trong tập đoàn cây CNHN ở tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011, mía và lạc là 2 cây chủ lực, tiếp đến là cói và đậu tương. Bốn loại cây trồng này đã chiếm gần 95% diện tích cây công nghiệp hằng năm.

Bảng 4: Diện tích và cơ cấu diện tích cây công nghiệp hàng năm ở Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

Loại cây	2001		2005		2011		Tăng (+), giảm (-) 2001 – 2011 (ha)
	Diện tích (ha)	%	Diện tích (ha)	%	Diện tích (ha)	%	
Vùng	3.498	6,2	3.047	4,8	2.894	4,5	- 604
Lạc	16.171	28,5	18.373	28,8	14.705	23,0	- 1466
Đậu tương	4.684	8,3	5.599	8,8	9.548	14,9	+ 4864
Thuốc lá	55	0,1	20	0,0	12	0,0	- 43
Mía	27.823	49,1	30.725	48,2	31.125	48,7	+ 3302
Cói	3.827	6,7	5.281	8,3	4.970	7,8	+ 1143
Đay	300	0,5	221	0,3	22	0,0	- 278
Cây khác	342	0,6	534	0,8	624	1,0	+ 282
Tổng	56.700	100,0	63.800	100,0	63.900	100,0	+ 7200

[Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1]]

- Thanh Hóa là tỉnh luôn dẫn đầu cả nước về diện tích mía trong nhiều năm nay. Giai đoạn 2001 – 2011, diện tích mía Thanh Hóa đã mở rộng thêm 3.302 ha, chiếm gần 50% diện tích cây CNHN. Tuy nhiên, tốc độ tăng bình quân chỉ đạt 1,13%, vì vậy tỷ trọng diện tích mía trong nhóm cây CNHN giảm nhẹ từ 49,1% xuống 48,7%. Sự gia tăng diện tích mía ở Thanh Hóa trong 10 năm qua chủ yếu là do mở rộng diện tích của 3 vùng nguyên liệu (vùng mía Tây Nam, vùng mía bắc Thanh Hóa, vùng mía Lam Sơn) nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cho 3 nhà máy chế biến đường công nghiệp (Lam Sơn, Nông Công và Việt – Đài).

- Cây lạc ở vị trí thứ 2 sau cây mía với tỷ trọng chiếm trên 23% diện tích cây CNHN. Thanh Hóa là tỉnh đứng thứ 3 cả nước về diện tích trồng lạc năm 2011 (sau Nghệ An và Hà Tĩnh). Tuy nhiên, diện tích lạc trong thời gian qua có sự biến động lớn: giai đoạn 2001 – 2005, diện tích lạc tăng nhanh từ 16.170 ha lên 18.370 ha, tỷ trọng tăng từ 28,5% lên 28,8%; từ 2005 đến 2011, diện tích trồng lạc ở Thanh Hóa lại giảm mạnh, chỉ còn chiếm 23,0% diện tích cây CNHN năm 2011, giảm 3.668 ha so với năm 2005 và 1.446 ha so với năm 2001. Nguyên nhân là do thị trường xuất khẩu lạc không ổn định, năng suất lạc thấp, chất lượng không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu, hiệu quả kinh tế bị cạnh tranh mạnh với nhiều cây trồng khác, đặc biệt là cây đậu tương, cây thực phẩm. Do đó, trong nhiều năm gần đây, diện tích lạc ở Thanh Hóa được chuyển đổi với quy mô lớn, chỉ còn vùng đất cát ven biển thuộc địa bàn các huyện Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Tĩnh Gia, Quảng Xương là khu vực trồng lạc tập trung. Lạc được trồng chủ yếu ở vụ chiêm xuân (chiếm tới 80% diện tích) ngoài ra còn có lạc đông, lạc mùa tuy diện tích không đáng kể.

- Cây đậu tương ở Thanh Hóa có diện tích không lớn song đang có xu hướng tăng lên. Đây là cây trồng vừa có hiệu quả kinh tế, vừa có tác dụng cải tạo đất đồng thời rất phù hợp với vụ đông. Từ 2005 đến nay, Thanh Hóa liên tục đứng thứ 6 cả nước về diện tích đậu tương. Trong 10 năm qua, diện tích đậu tương ở Thanh Hóa đã tăng rất nhanh, trung bình mỗi năm tăng 442,2 ha. Đây là cây trồng có tốc độ mở rộng diện tích nhanh nhất, nhờ đó sau 10 năm tỷ trọng diện tích đậu tương đã chiếm từ 8,3% năm 2001 lên 14,9% diện tích cây CNHN năm 2011. Trước đây đậu tương ở Thanh Hóa chủ yếu được trồng ở vụ mùa từ tháng 6 đến tháng 10, tuy nhiên từ năm 2005 đến nay, diện tích đậu tương trồng vụ đông tăng nhanh.

- Cây cói là cây công nghiệp truyền thống được trồng từ lâu đời ở Thanh Hóa, cói Nga Sơn nổi tiếng cả nước nhờ điều kiện thuận lợi - nơi có vùng đất bãi bồi nhiễm mặn phù hợp với sinh trưởng và phát triển của cây cói. Diện tích cói tăng mạnh từ 2001 đến 2005 với tốc độ tăng bình quân 8,38%/năm, tuy nhiên từ 2005 đến nay diện tích cói giảm. Nguyên nhân chủ yếu do thị trường xuất khẩu cói giảm, giá cói biến động và bị cạnh tranh bởi các sản phẩm tiêu dùng khác, đầu ra cho sản phẩm cói gặp khó khăn. Diện tích cói Thanh Hóa tập trung 90% ở huyện Nga Sơn gắn với ngành chế biến tiêu thụ công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

2.2.1.3. Nhóm cây thực phẩm

Trong giai đoạn 2001 – 2011, diện tích gieo trồng cây thực phẩm tăng lên cả số tuyệt đối và tỷ trọng. Diện tích cây thực phẩm tăng từ 26.300 ha năm 2001 lên 37.600 ha năm 2011, tăng bình quân 1.027 ha/năm. Tỷ trọng diện tích cây thực phẩm đã tăng từ 6,2% năm 2001 lên 8,43% năm 2011. Cây thực phẩm ở Thanh Hóa chủ yếu là các loại rau, quả thực phẩm (các loại rau, ớt, dưa chuột, dưa hấu, ngô bao tử, các loại đậu,...), đây là nhóm cây có giá trị hàng hóa cao, đặc biệt phần lớn cây thực phẩm được trồng phục vụ xuất khẩu và cung cấp cho các đô thị, vì vậy diện tích gieo trồng không ngừng mở rộng. Tuy nhiên, quy mô diện tích rau đậu, cây thực phẩm ở Thanh Hóa vẫn còn manh mún, chưa tập trung thành các vùng sản xuất hàng hóa, việc chuyển đổi còn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch. Các loại rau đậu thực phẩm được trồng quanh năm với cơ cấu mùa vụ đa dạng; trong đó vụ đông chiếm tới gần 45% diện tích gieo trồng.

2.2.2. Nhóm cây lâu năm

Trong cơ cấu cây trồng tỉnh Thanh Hóa, diện tích cây lâu năm không đáng kể và có xu hướng giảm trong thời kỳ 2001 – 2011. Hơn 10 năm qua, diện tích cây lâu năm đã giảm 4.800 ha, giảm mạnh nhất là từ năm 2005. Có sự khác nhau về mức độ biến động của 2 nhóm cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm; diện tích trồng cây ăn quả giảm liên tục với quy mô chỉ còn 15,2 nghìn ha năm 2011 giảm 4500 ha so với năm 2001, tỷ trọng giảm từ 54,9% năm 2001 xuống còn 48,9% năm 2011. Diện tích cây công nghiệp lâu năm giảm mạnh từ 2001 đến 2005 nhưng lại có mức tăng khá trong thời kỳ từ 2005 đến 2011, nhờ đó mà tỷ trọng nhóm cây này đã tăng từ 37% năm 2001 lên 43,7% năm 2011.

Bảng 5: Diện tích và cơ cấu diện tích cây lâu năm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

Chỉ tiêu	2001		2005		2011		Tăng (+), giảm (-) 2001 – 2011 (ha)
	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	Diện tích (Ngh.ha)	Cơ cấu(%)	
Tổng diện tích	35,9	100	34,4	100	31,1	100	- 4800
Cây công nghiệp lâu năm	13,3	37,0	10,6	30,8	13,6	43,7	- 300
Cây ăn quả	19,7	54,9	20,4	59,3	15,2	48,9	- 4500
Cây khác	2,9	8,1	3,4	9,9	2,3	7,4	

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

2.2.2.1. Nhóm cây công nghiệp lâu năm (CNLN)

Tập đoàn cây CNLN tỉnh Thanh Hóa có mặt hầu hết các cây chủ lực ở Việt Nam như cà phê, chè, cao su,... tuy nhiên quy mô không đáng kể.

Bảng 6: Diện tích và cơ cấu diện tích cây công nghiệp lâu năm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

Loại cây	2001		2005		2011		Tăng (+), giảm (-) 2001 – 2011 (ha)
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
Chè	125	0,9	437	4,1	291	2,0	+ 166
Cà phê	3.403	25,6	1.307	12,3	4	0,0	- 3399
Cao su	7.706	57,9	6.795	64,0	13.372	90,1	+ 5666
Dừa	2.076	15,6	2.082	19,6	1.167	7,9	- 909
Tổng diện tích	13.310	100	10.621	100	14.834	100	+ 1524

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

- Trong cơ cấu cây CNLN ở Thanh Hóa, cao su là cây trồng có vị trí rất quan trọng. Diện tích cao su giảm nhẹ từ 2001 đến 2005, nhưng từ năm 2005 đến năm 2011 diện tích cao su tăng nhanh với tốc độ bình quân 11,94%. Tỷ trọng diện tích cao su chiếm 58% diện tích cây CNLN năm 2001 đến năm 2011 tăng lên 90%. Mặc dù về điều kiện sinh thái, cây cao su ít thuận lợi ở Thanh Hóa do một số yếu tố khí hậu hạn chế đó là: nhiệt độ thấp, bão to, mưa lớn, gió nóng... Tuy nhiên việc đưa cây cao su trồng ở Thanh Hóa đã cho kết quả khả quan nhờ khắc phục khó khăn của khí hậu bằng việc trồng đai rừng phòng hộ, chắn gió bão cho các lô cao su, đặc biệt là lựa chọn giống cao su phù hợp. Trong tổng hơn 13.300 ha cao su đã có 7.419 ha cho thu hoạch, đây là nguồn thu nhập cao cho nông dân Thanh Hóa trong những năm tới. Diện tích cao su ở Thanh Hoá tập trung tới 90% ở các huyện miền núi thuộc địa bàn các huyện Thạch Thành, Ngọc Lặc, Như Xuân.

- Ngoài ra Thanh Hóa còn có cà phê, chè tuy nhiên do điều kiện sinh thái không phù hợp, hiệu quả kinh tế thấp nên từ năm 2005 đến nay diện tích trồng cây này đã chuyển sang trồng cao su, mía, sắn, dứa.

2.2.2.2. Nhóm cây ăn quả

Cây ăn quả được phát triển rộng khắp cả tỉnh Thanh Hoá trên nhiều loại đất khác nhau. Đối tượng trồng rất đa dạng bao gồm nhiều loại như: cam, chanh, quýt, nhãn, vải, dứa, dưa hấu, chuối, hồng xiêm, táo...

Bảng 7: Diện tích và cơ cấu diện tích cây ăn quả của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

	2001		2005		2011		Tăng (+), giảm (-) 2001 – 2011 (ha)
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
Cam, chanh, quýt	1.535	7,8	1.547	7,6	525	3,5	-1010
Dứa	3.500	17,8	3.789	18,6	1.910	12,6	-1590
Nhãn, vải	2.209	11,2	2.518	12,3	1.179	7,8	- 1030
Cây khác	12.456	63,2	12.546	61,5	11.586	76,2	- 870
Tổng diện tích	19.700	100,0	20.400	100,0	15.200	100,0	- 4500

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

Trong cơ cấu cây ăn quả ở tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011, chỉ có dứa, nhãn, vải là được trồng với quy mô lớn, tuy nhiên diện tích đều có xu hướng giảm mạnh. Giai đoạn 2001 – 2005,

diện tích các loại cây ăn quả có xu hướng tăng do việc thực hiện dự án quy hoạch phát triển cây ăn quả (dự án ADB). Từ năm 2005 đến nay diện tích các loại cây ăn quả đều giảm rất mạnh; đặc biệt cam, chanh, quýt giảm mạnh nhất bình quân 16,5%/năm, dứa giảm bình quân 10,8%/năm, nhãn vải giảm 11,88%/năm. Nhìn chung, việc trồng cây ăn quả ở Thanh Hóa còn mang tính tự phát, diện tích manh mún, chưa tập trung thành các vùng chuyên môn hóa, chỉ có cây dứa là có nơi tiêu thụ thông qua chế biến nhưng nhà máy vẫn không có đủ nguyên liệu để hoạt động. Các cây khác phát triển tốt, diện tích khá hơn nhưng không tập trung, sản phẩm không lớn, tiêu thụ chủ yếu tại thị trường trong tỉnh, giá rẻ nên người sản xuất không đầu tư thâm canh vườn cây.

2.3. Biến động diện tích cây trồng theo mùa vụ ở tỉnh Thanh Hóa

Hệ thống cây trồng hằng năm ở Thanh Hóa được bố trí thành 3 vụ chính: vụ đông, vụ chiêm xuân, vụ mùa. Trong đó, diện tích gieo trồng chủ yếu tập trung ở vụ chiêm xuân và vụ mùa, diện tích cây vụ đông chiếm tỷ lệ nhỏ.

Bảng 8: Diện tích và cơ cấu diện tích phân theo mùa vụ ở Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011

	2001		2005		2011	
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích	422.194	100	447.354	100	445.750	100
Vụ đông	48.285	11,4	63.793	14,3	52.349	11,7
Vụ chiêm xuân	204.296	48,4	209.613	46,9	216.030	48,5
Vụ mùa	169.613	40,2	173.948	38,9	177.371	39,8

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

- Về cơ cấu diện tích theo mùa vụ ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian qua không có sự thay đổi đáng kể, diện tích vụ đông, vụ chiêm xuân có xu hướng tăng nhanh hơn, trong khi vụ mùa gần như ổn định.

- Vụ đông ở Thanh Hóa thường bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12 (âm lịch) với tập đoàn cây trồng ưa lạnh; ngoài diện tích màu lương thực (ngô, khoai lang) chiếm tỷ trọng lớn với 50% diện tích thì chủ lực của vụ đông là các loại rau đậu ôn đới chiếm tới 34%, còn lại là diện tích cây công nghiệp hằng năm (lạc, đậu tương) chiếm khoảng 15%. Trong giai đoạn 2001 – 2011, diện tích các loại cây vụ đông có sự chuyển đổi đáng kể theo xu hướng tăng diện tích trồng rau, đậu tương và lạc, giảm tỷ trọng diện tích nhóm cây lương thực.

Bảng 9: Cơ cấu diện tích các loại cây trồng vụ đông, vụ chiêm xuân, vụ mùa ở Thanh Hóa giai đoạn 2001 – 2011 (đơn vị: %)

	Vụ Đông		Vụ Chiêm Xuân		Vụ Mùa	
	2001	2011	2001	2011	2001	2011
Lúa	-	-	62,7	61,4	81,35	77,70
Ngô	45,31	36,69	7,1	8,7	5,19	9,71
Khoai lang	28,73	12,47	2,9	1,4	2,71	1,37
Rau đậu các loại	24,50	33,29	3,9	5,2	4,16	6,36
Đậu tương	1,44	14,57	0,3	0,2	2,07	0,93
Lạc	0,03	2,99	7,3	5,9	1,24	0,86
Vùng	-	-	0,3	0,2	1,78	1,48
Mía	-	-	14,4	15,5	0,18	0,14
Thuốc lá, thuốc lào	-	-	0,2	0,3	-	-
Đay	-	-	0,2	0,0	0,00	0,01
Cói	-	-	0,8	1,2	1,33	1,45

	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
--	--------	--------	--------	--------	--------	--------

(Nguồn: Xử lý và tính toán từ nguồn [1])

- Vụ chiêm xuân ở Thanh Hóa thường bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau (âm lịch); đây là vụ có cơ cấu cây trồng đa dạng nhất. Tập đoàn cây trồng chủ lực thời kỳ này là nhóm cây lương thực chiếm tới 70% diện tích (trong đó lúa 60%), còn lại là hệ thống cây công nghiệp hàng năm với cơ cấu đa dạng. Cơ cấu diện tích vụ chiêm xuân tương đối ổn định, sự chuyển đổi diện tích diễn ra chậm và không đáng kể. Trong giai đoạn 2001 – 2011, chỉ có diện tích rau đậu, ngô và mía có xu hướng tăng rõ rệt, các loại cây trồng khác gần như ổn định.

- Vụ mùa ở Thanh Hóa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 (âm lịch) với tập đoàn cây trồng tương tự vụ chiêm xuân, trong đó lúa vẫn là cây chủ lực chiếm gần 80% diện tích. Tuy nhiên, trong thời kỳ 2001 – 2011, cơ cấu vụ mùa có sự chuyển đổi mạnh mẽ, tỷ trọng diện tích lúa mùa giảm nhanh chóng, thay vào đó là diện tích ngô và các loại rau đậu có xu hướng tăng lên tương đối nhanh. Nguyên nhân do lúa mùa có hiệu quả thấp, thường xuyên gặp hạn hán vào đầu vụ, bão và dịch bệnh vào cuối vụ.

3. Kết luận

Tập đoàn cây trồng ở tỉnh Thanh Hóa đa dạng, phong phú, được lựa chọn tương đối hợp lý về quy mô diện tích, phân bố lãnh thổ cũng như cơ cấu mùa vụ. Sự biến động diện tích và thay đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với xu hướng đang diễn ra ở nước ta trong thời gian qua, tuy nhiên từ thực trạng biến động cho thấy chuyển đổi diện tích cây trồng ở Thanh Hóa vẫn mang tính tự phát, thiếu quy hoạch, cơ cấu chủ đạo vẫn là cây trồng truyền thống, giá trị hàng hóa thấp, các cây trồng mới có giá trị cao phục vụ xuất khẩu và công nghiệp chế biến có quy mô nhỏ, manh mún. Để hình thành một cơ cấu cây trồng hợp lý, hiệu quả cao, tỉnh Thanh Hóa cần quy hoạch diện tích phù hợp cho từng nhóm, loại cây trồng, trong đó đặc biệt ổn định diện tích các vùng nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến, mở rộng các vùng thâm canh, chuyên canh năng suất cao, xây dựng chuỗi ngành hàng đối với từng loại sản phẩm, đồng thời tăng cường đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa, *Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa các năm 1996 – 2000; 2000 – 2005; 2011*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

[2] Cục thống kê Thanh Hóa (2007), *Thực trạng nông thôn, nông nghiệp và thủy sản tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2001 - 2006*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

[3] Cục thống kê Thanh Hóa (2012), *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011 tỉnh Thanh Hóa*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

[4] Ủy Ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2007) *Quy hoạch tổng thể nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020*.

[5] Tổng cục thống kê Việt Nam: <http://www.gso.gov.vn/số liệu thống kê/nông – lâm – thủy sản/2012>

ABSTRACT

FLUCTUATION OF CULTIVATED SURFACE AND CULTIVATED SURFACE STRUCTURE IN THANH HOA PROVINCE

Crop plants in Thanh Hoa Province are plentiful, including tropical plants, subtropical plants, perennials and short-day crops. In the period 2001 – 2011, cultivated surface in Thanh Hoa Province had a sensible change in scale and crop structure, was suitable for local ecological conditions and associated with consumer market. In the pass 10 years, areas of short-day crops was dominance in

which food crop occupied a decisive role but the proportion reduced; areas of short-day industrial crops had an unshakeable growth; perennials had small scale and was unstable. Fluctuation of cultivated surface and crop plants structure in Thanh Hoa Province in this period illustrated the development of commodities agriculture toward increasing value and sustainable development.

Keywords: Fluctuation of area, crop plants structure, cultivated surface structure, Thanh Hoa

(Bàì ðã ðăng trên Tạp chí *Khoa học* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 3, tr.137- tr.146)